



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
(Chương trình Tiên tiến)

Ngành: KẾ TOÁN

Major: Accounting

Chuyên ngành: KẾ TOÁN

Specialization: Accounting

Hình thức đào tạo: CHÍNH QUY

Type of education: Full - time

Xây dựng từ chương trình đào tạo của Đại học Kinh tế Quốc dân,
Đại học Tổng hợp California, Long Beach và Đại học Tổng hợp California
San Bernardino, Hoa Kỳ
*(Based on the curriculum of the NEU, California State University, Long Beach
and California State University, San Bernardino, USA)*

HÀ NỘI - 2017



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Chương trình Tiên tiến)

*(Ban hành theo Quyết định số/QĐ-ĐHKQTQD ngày ... tháng ... năm 2017
của Hiệu trưởng Trường ĐH KTQD)*

Ngành: KẾ TOÁN

Major: Accounting

Mã ngành (Code of Major): 7340301

Chuyên ngành: KẾ TOÁN

Specialization: Accounting

Mã chuyên ngành (Code of Specialization): 442

Hình thức đào tạo: CHÍNH QUY

Type of education: Full - time

**Xây dựng từ chương trình đào tạo của Đại học Kinh tế Quốc dân,
Đại học Tổng hợp California, Long Beach và Đại học Tổng hợp California San
Bernardino, Hoa Kỳ**

*(Based on the curriculum of the NEU, California State University, Long Beach and
California State University, San Bernardino, USA)*

HÀ NỘI – 2017

MỤC LỤC

1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra/ Educational Objectives.....	1
<i>1.1 Mục tiêu đào tạo.....</i>	<i>1</i>
<i>1.2 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo tiên tiến.....</i>	<i>2</i>
2. Thời gian đào tạo/ Academic program timeline	4
3. Khối lượng kiến thức toàn khóa/ Required total credits	5
4. Đối tượng tuyển sinh/ Enrolment candidates	5
5. Điều kiện tốt nghiệp/ Graduation Requirements.....	5
6. Thang điểm/ Grading system	6
7. Cấu trúc chương trình/ Program curriculum	7
<i>7.1. Cấu trúc chương trình/ Curriculum structure</i>	<i>7</i>
<i>7.2. Chi tiết nội dung chương trình đào tạo/ In details</i>	<i>8</i>
9. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần/ Course Description.....	20
9.1. Tiếng Anh (<i>English</i>).....	20
9.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê Nin Phần 1 (<i>Basic Principle of Marxism and Leninism part 1</i>).....	20
9.3. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê Nin Phần 2 (<i>Basic Principle of Marxism and Leninism part 2</i>).....	21
9.4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (<i>Political Revolution Roadmap of Communist Party of Vietnam</i>)	22
9.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (<i>Ho Chi Minh Ideology</i>)	23
9.6. Giáo dục thể chất (<i>Physical Education</i>)	24
9.7. Giáo dục quốc phòng (<i>Military Training</i>)	24
9.8. Viết luận (<i>Writing Skills</i>)	25
9.9. Kinh tế vĩ mô (<i>Principles of Macroeconomics</i>).....	25
9.10. Kinh tế vi mô (<i>Principles of Microeconomics</i>)	25

9.11. Đại số và giải tích: Ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh (<i>Calculus for Business</i>).....	26
9.12. Tư duy phê phán (<i>Critical Thinking</i>)	26
9.13. Lịch sử văn minh thế giới (<i>Regional and People of the World</i>)	27
9.14. Văn học thế giới (<i>Introduction to World Literature</i>)	27
9.15. Giới thiệu về hệ thống máy tính và các ứng dụng (<i>Office Productivity Software</i>)	27
9.16. Kế toán tài chính căn bản/ Kế toán 1 (<i>Elementary Financial Accounting/ Introductory Accounting 1</i>).....	28
9.17. Môi trường pháp lý và các quy định trong kinh doanh (<i>Legal and Regulatory Environment of Business</i>)	28
9.18. Thống kê kinh doanh (<i>Introduction to Business Statistics</i>).....	29
9.19. Địa lý kinh tế (<i>Introduction to Physical Geography</i>)	29
9.20. Môi trường toàn cầu (<i>The Global Environment</i>)	30
9.21. Kinh tế quốc tế (<i>International Economics</i>).....	30
9.22. Kinh tế phát triển (<i>Introduction to Development Economics</i>).....	31
9.23. Tài chính kinh doanh (<i>Business Finance</i>)	32
9.24. Marketing (<i>Principles of Marketing</i>)	32
9.25. Hành vi tổ chức (<i>Organizational Behavior</i>)	33
9.26. Kế toán quản trị (<i>Managerial Accounting</i>)	33
9.27. Kế toán 2 (<i>Introductory Accounting 2</i>).....	34
9.28. Đạo đức học căn bản (<i>Introductory Ethics</i>)	34
9.29. Đạo đức kinh doanh (<i>Business Ethics</i>)	35
9.30. Kế toán tài chính (<i>Intermediate Accounting</i>).....	35
9.31. Kinh doanh quốc tế (<i>International Businesses</i>).....	35
9.32. Hệ thống thông tin quản lý (<i>Management Information Systems</i>).....	36
9.33. Giao tiếp kinh doanh (<i>Business Communications</i>).....	36
9.34. Nguyên lý quản trị (<i>Principles of Management</i>)	37

9.35. Kế toán chi phí (<i>Cost Accounting</i>)	37
9.36. Hệ thống Kế toán doanh nghiệp Việt Nam 1, 2 (<i>Vietnamese Accounting Systems in Enterprises 1, 2</i>)	38
9.37. Kế toán nâng cao (<i>Advanced Accounting</i>)	38
9.38. Kế toán quốc tế (<i>International Accounting</i>).....	39
9.39. Kiểm toán (<i>Auditing</i>)	39
9.40. Hệ thống thông tin kế toán (<i>Accounting Systems and Data Processing</i>) .	40
9.41. Chiến lược và chính sách kinh doanh (<i>Business Strategy and Policy</i>)	40
9.42. Hệ thống kế toán công Việt Nam (<i>Vietnamese Public Accounting Systems</i>)	40
9.43. Phân tích báo cáo tài chính (<i>Financial Statement Analysis</i>)	41
9.44. Kiểm soát quản lý (<i>Management Control</i>).....	41
9.45. Kiểm toán nội bộ (<i>Internal Auditing</i>)	42
9.46. Chuyên đề thực tập (<i>Final Thesis</i>)	43

1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra/ Educational Objectives

1.1 Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân ngành Kế toán nắm vững kiến thức cơ bản, hệ thống, hiện đại và thiết thực nhất về kế toán và kiểm toán trên thế giới, có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp và công việc chuyên môn.

Các mục tiêu cụ thể: Có kiến thức hiện đại và chuyên sâu về Kế toán tổng hợp theo chuẩn quốc tế; Có kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh thông qua cơ hội học tập, trao đổi, giao lưu với các giảng viên nước ngoài và các giảng viên Việt Nam được đào tạo cơ bản từ nước ngoài, giao lưu với các lưu học sinh sang học trong chương trình; Có kỹ năng mềm thích ứng tốt với các môi trường văn hóa doanh nghiệp khác nhau, có lập trường tư tưởng vững vàng, có bản lĩnh và đạo đức kinh doanh đúng đắn, có sức khỏe tốt để đảm nhận tốt các công việc được giao;

Trình độ tin học, Tiếng Anh: Thành thạo tin học và tiếng Anh trong giao tiếp và công việc;

Nơi làm việc sau khi tốt nghiệp: Các cơ quan ở trung ương hoặc địa phương, các trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế ...

Sinh viên có thể được chuyển tiếp để lấy bằng đại học của Hoa Kỳ và của Hà Lan.

Overall objective: Students of the Advanced Educational Program in Accounting will gain up to date knowledge of accounting, auditing in the world. Students will be also proficient in English communication for study, work and social events.

Specific objectives: Students have deep knowledge about accounting following international standards. They also can communicate in English throughout the chance of studying, exchange of student and the opportunities learn with foreign teacher or Vietnamese teachers who have experienced in training abroad. Furthermore, students will receive a world-class education in socio-economics, enterprise management and business administration, developing in good health and moral the skills necessary to effectively assess, analyze, research and resolve accounting issues.

Skills in English and Computer: Students will be proficient in English communication, using computer for study, work and social events.

After graduation: Students will be well prepared to work in local, central, and

international organizations, enterprises, universities, and research institutes as accountant, researcher, lecturer.

Students can be transferred to get Bachelor degree in the United States or Netherlands.

1.2 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Tiên tiến

1.2.1 Kiến thức:

Kiến thức cơ bản:

- Có trình độ lý luận Chính trị Mác-Lê nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh theo chuẩn chung của ĐH Kinh tế Quốc dân;

- Có kiến thức cơ bản và vận dụng thành thạo kiến thức về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có thể giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận cơ bản trong học tập, nghiên cứu khoa học và giải quyết các vấn đề thực tế căn bản trong lĩnh vực Kế toán.

Kiến thức chuyên sâu:

- Nắm vững kiến thức về nguyên lý kế toán, chuẩn mực kế toán, kế toán tài chính, quản trị tafi chính, Kiểm toán báo cáo tài chính;

- Nắm vững kiến thức về hiệu quả hoạt động kinh doanh, kiểm toán hoạt động;

- Nắm vững kiến thức về kiểm soát quản lý (nhằm phục vụ việc tư vấn cho đơn vị kiểm toán);

- Nắm vững kiến thức về chọn mẫu kiểm toán.

1.2.2 Kỹ năng

Kỹ năng chuyên môn:

- Kỹ năng chuyên môn: Có kiến thức chuyên môn tốt;

- Năng lực thực hành nghề nghiệp: Có khả năng đáp ứng công việc ngay khi ra trường;

- Kỹ năng xử lý tình huống: Có kỹ năng xử lý tình huống tốt trong chuyên ngành;

- Kỹ năng giải quyết vấn đề: Khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách khoa học.

Kỹ năng mềm:

- Kỹ năng giao tiếp: có tác phong chuyên nghiệp và khả năng hoàn thành mục tiêu trong giao dịch với các chủ thể liên quan; khả năng tiếp nhận yêu cầu và tạo dựng sự hài lòng trong giao tiếp với các đối tượng khách hàng được phân công;

- Kỹ năng thuyết trình các vấn đề về chuyên môn: có kỹ năng tổ chức trình bày, diễn đạt và truyền đạt tốt các vấn đề chuyên môn, giúp cho người nghe có thể hiểu rõ, thuyết phục và tạo sự đồng thuận của người nghe;

- Kỹ năng tư duy độc lập: có kiến thức cơ sở vững chắc, kỹ năng tiếp cận, tư duy và tìm được phương án tốt nhất để giải quyết các vấn đề một cách độc lập;

- Kỹ năng làm việc theo nhóm: có kỹ năng tổ chức làm việc theo nhóm, chia sẻ ý kiến và thảo luận với các thành viên trong nhóm; có khả năng lãnh đạo nhóm, phân công nhiệm vụ, tạo động lực, giám sát hoạt động của nhóm, định hướng và nêu các ý tưởng mới về công việc, về sản phẩm của nhóm, tổng kết các vấn đề đưa ra thảo luận nhóm;

1.2.3 Thái độ

- Có phẩm chất đạo đức tốt; ý thức đầy đủ và tuyệt đối tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; có tinh thần trách nhiệm công dân theo các tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Quyết định số 0/2007/QĐ-BGD&ĐT;

- Có trách nhiệm cao với các công việc được giao; luôn có tinh thần cầu thị, xây dựng và thực hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp; có tư cách, tác phong đáp ứng chuẩn mực của ngành; tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp; có trách nhiệm xã hội tốt đối với tập thể đơn vị và đối với cộng đồng;

- Tinh thần, thái độ phục vụ tận tụy; tôn trọng khách hàng; tuân thủ các quy định về chuyên môn nghiệp vụ; tuân thủ luật pháp và quy định của cơ quan làm việc; có ý thức xây dựng tập thể đơn vị;

- Luôn ý thức và có khả năng tốt trong cập nhật kiến thức để tự nâng cao trình độ chuyên môn; luôn chủ động, sáng tạo trong công tác

1.2.4 Về ngoại ngữ

Căn cứ vào Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 24/1/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra ngoại ngữ trình độ đại học áp dụng từ K59, hình thức đào tạo chính quy

của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, sinh viên thuộc các chương trình Tiên tiến đạt chuẩn về trình độ tiếng Anh tương đương cấp độ C1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu (tương đương bậc 5 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam). (hoặc tương đương).

1.2.5 Về kỹ năng tin học

Căn cứ vào Quyết định số: 777/QĐ-ĐHKTQD ngày 05/6/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra tin học trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân áp dụng từ khóa 59, hình thức đào tạo Chính Quy, sinh viên Chương trình Tiên tiến trước khi xét tốt nghiệp phải đạt một trong các chứng chỉ tin học sau đây:

a. Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification). Là chuẩn quốc tế về sử dụng máy tính và Internet do tổ chức Certiport của Mỹ cấp.

b. Chứng chỉ tin học quốc tế ICDL (phân cơ bản)

ICDL là từ viết tắt của “International Computer Driving Licence” – Bộ chứng chỉ kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (CNTT) quốc tế - tên gọi trên phạm vi quốc tế của bộ chứng chỉ chuẩn châu Âu ECDL (European Computer Driving Licence), sau khi ECDL được phổ biến và công nhận rộng rãi ở các nước châu Âu.

c. Chứng chỉ tin học quốc tế MOS

MOS (Microsoft Office Specialist) là bài thi đánh giá kỹ năng tin học văn phòng được sử dụng rộng rãi nhất trên thế giới với hơn 01 triệu bài thi được tổ chức hàng năm. Đây là chứng chỉ do Microsoft cấp nhằm công nhận mức độ hiểu biết và khả năng sử dụng của cá nhân đối với các ứng dụng văn phòng của Microsoft như: Word, Excel, Powerpoint, Access, Outlook.

d. Chứng chỉ tin học Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản do Trường Đại học Kinh tế Quốc dân cấp

Là chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân nhằm xác nhận trình độ, năng lực sử dụng công nghệ thông tin theo Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin quy định tại Thông tư số 03/2014/TT- BTTTT ngày 11/03/2014. Chứng chỉ do Trường Đại học Kinh tế Quốc dân tổ chức thi và cấp theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT - BGDDT - BTTTT ngày 21/06/2016.

2. Thời gian đào tạo/ Academic program timeline

Thời gian đào tạo là 4,5 năm, bao gồm cả học tiếng Anh, thực tập và làm chuyên đề thực tập, mỗi năm gồm 2 học kỳ, mỗi học kỳ gồm 15 tuần học, 3 tuần thi,

kiểm tra.

Students are expected to complete the program in 4.5 years, including learning English, internship and thesis writing. Each academic year has two 18-week semesters with each semester consisting of 15 weeks of instruction and 3 weeks of review.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa/ Required total credits

Tổng cộng 124 tín chỉ (viết tắt là TC), chưa kể khối kiến thức tăng cường trình độ tiếng Anh (36 TC), Giáo dục thể chất (120 tiết) và Giáo dục quốc phòng (120 tiết).

124 required credits excluding 36 credits for English improvement, Physical Education and Military Education.

4. Đối tượng tuyển sinh/ Enrolment candidates

Những người đã trúng tuyển với kết quả cao vào hệ chính quy trong kỳ thi tuyển sinh đại học vào trường Đại học Kinh tế Quốc dân, các đối tượng tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam.

Đáp ứng yêu cầu về trình độ tiếng Anh để theo học chương trình đào tạo tiên tiến ngành Kế toán theo quy định của Trường.

Tự nguyện tham gia vào chương trình đào tạo tiên tiến ngành Kế toán.

Students will be selected based on a combination of academic achievement and English proficiency:

High scores on the Annual National Entrance Examination held by the National Economics University (NEU) or demonstrated scholastic achievement meeting the requirements of Vietnam's Ministry of Education and Training (MoET) for automatic admission AND

Meeting the English proficiency requirements for the Bachelor of Accounting in English AND

Joining the program voluntarily upon NEU's offer of admission.

5. Điều kiện tốt nghiệp/ Graduation Requirements

Theo quy định hiện hành của trường Đại học Kinh tế quốc dân và quy định riêng biệt trong quy chế đào tạo áp dụng cho các sinh viên theo học chương trình tiên tiến. Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc và số học phần tự chọn theo yêu cầu của chương trình đào tạo, tổng lượng kiến thức là 124 tín chỉ và phải đạt chứng chỉ về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng. Đáp ứng đủ điều kiện

chuẩn đầu ra theo quy định.

Students will be required to complete all of the required courses and a set of electives for 124 credits. In addition, students must complete the certificate programs in both Military Education and Physical Education in order to graduate.

6. Thang điểm/ Grading system

Các học phần của chương trình Trường Đại học Kinh tế quốc dân và các học phần được xây dựng theo chương trình gốc của CSULB được đánh giá theo thang điểm 10, được ghi cả bằng số và bằng chữ. Thang điểm 10 được quy đổi sang điểm chữ như sau:

The modules of the Advanced Educational Program in National Economics University and the developed modules based on CSULB are evaluated on a scale of 10, both written down under numerically and five letters. Grades 10 is converted in letters as follows:

Loại đạt (*Pass*):

TT	Thang điểm 10 10-scale	Thang điểm chữ Letter	Thang điểm 4-scale
1	Từ 9,0 đến 10 From 9,0 less than 10	A+	4,0
2	Từ 8,5 đến 8,9 From 8,5 less than 8,9	A	4,0
3	Từ 8,0 đến 8,4 From 8,0 less than 8,4	B+	3,5
4	Từ 7,0 đến 7,9 From 7,0 less than 7,9	B	3,0
5	Từ 6,5 đến 6,9 From 6,5 less than 6,9	C+	2,5
6	Từ 5,5 đến 6,4 From 5,5 less than 6,4	C	2,0
7	Từ 5,0 đến 5,4 From 5,0 less than 5,4	D+	1,5
8	Từ 4,5 đến 4,9 From 4,5 less than 4,9	D	1,0

Loại không đạt (*Failse*):

TT	Thang điểm 10 10-scale	Thang điểm chữ Letter	Thang điểm 4 4-scale
1	Dưới 4,5 Less than 4,5	F	0,0

7. Cấu trúc chương trình/ Program curriculum

7.1. Cấu trúc chương trình/ Curriculum structure

STT	Khối kiến thức	Số TC
1	Kiến thức giáo dục đại cương/ <i>General Education</i>	28
1.1	Phần bắt buộc/ <i>Compulsory Courses</i> (Không bao gồm học phần về Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và Tiếng Anh/ <i>Excluding Physical Education and Military Education</i>)	22
1.2	Phần tự chọn/ <i>Selective Courses</i>	6
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp/ <i>Professional Education</i>	96
2.1	Kiến thức bắt buộc cơ sở của khối ngành/ <i>Compulsory Courses</i>	6
2.2	Kiến thức bắt buộc của ngành/ <i>Compulsory courses in the Major</i>	39
2.3	Kiến thức tự chọn của ngành/ <i>Elective courses in the Major</i>	6
2.4	Kiến thức bắt buộc của chuyên ngành/ <i>Compulsory courses of Specialization</i>	30
2.5	Kiến thức lựa chọn của chuyên ngành/ <i>Elective courses of specialization</i>	3
2.6	Kiến thức bổ trợ, thực tập nghề nghiệp và nghiên cứu cuối khoá/ <i>Final Thesis</i>	12
	Tổng số tín chỉ	124

7.2. Chi tiết nội dung chương trình đào tạo/ In details

STT học phần	STT trong tổ hợp	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Ngôn ngữ giảng dạy
Kiến thức giáo dục đại cương/ General Education					
Phần bắt buộc/ Compulsory Courses					
1	1	LLNL1103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 <i>Basic Principles of Marxsim-Leninism 1</i>	2	Tiếng Việt
2	2	LLNL1104	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 <i>Basic Principles of Marxsim-Leninism 2</i>	3	Tiếng Việt
3	3	LLTT1107	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	Tiếng Việt
4	4	LLDL1101	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Political Revolution Roadmap of the Communist Party of Vietnam</i>	3	Tiếng Việt
5	5	TA 001	Bồi dưỡng kỹ năng Tiếng Anh <i>English</i>	(36)	
6	6	ENGL 100	Viết luận <i>Writing Skills</i>	3	Tiếng Anh
7	7	MATH 115	Đại số và giải tích: Ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh <i>Calculus for Business</i>	3	Tiếng Anh
8	8	IS 233	Giới thiệu về hệ thống máy tính và các ứng dụng <i>Office Productivity Software</i>	3	Tiếng Anh
9	9	GDTC	Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>		Tiếng Việt
10	10	GDQP	Giáo dục quốc phòng		Tiếng Việt

			<i>Military Education</i>		
11	11	PSYC 130	Tư duy phê phán <i>Critical Thinking</i>	3	Tiếng Anh
Phần tự chọn/ Selective Courses					
	1	Các học phần tự chọn (chọn 1 trong số các môn sau) <i>Selective courses (select 1 course)</i>			
12		SSCI 165	Lịch sử văn minh thế giới <i>Regional and People of the World</i>	3	Tiếng Anh
13		CWL 100	Văn học thế giới <i>Introduction to World Literature</i>	3	Tiếng Anh
	2	Các học phần tự chọn (chọn 1 trong số các môn sau) <i>Selective courses (select 1 course)</i>			
14		GEOG 140	Địa lý kinh tế <i>Introduction to Physical Geography</i>	3	Tiếng Anh
15		GEOG 101	Môi trường toàn cầu <i>The Global Enviroment</i>	3	Tiếng Anh
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp/ Professional Education					
Kiến thức bắt buộc cơ sở của khối ngành/ Compulsory courses					
16	1	ECON 100	Kinh tế vĩ mô <i>Principles of Macroeconomics</i>	3	Tiếng Anh
17	2	ECON 101	Kinh tế vi mô <i>Principles of Microeconomics</i>	3	Tiếng Anh
Kiến thức bắt buộc của ngành/ Compulsory courses in the Major					
18	1	IS 301	Giao tiếp kinh doanh <i>Business Communication</i>	3	Tiếng Anh
19	2	ACCT 201	Kế toán tài chính căn bản/ Kế toán 1 <i>Elementary Financial Accounting/ Introductory Accounting 1</i>	3	Tiếng Anh

20	3	BLAW 320	Môi trường pháp lý trong kinh doanh <i>Legal and Regulatory Environment of Business</i>	3	Tiếng Anh
21	4	STAT 118	Thống kê kinh doanh <i>Introduction to Business Statistics</i>	3	Tiếng Anh
22	5	ACCT 202	Kế toán quản trị <i>Managerial Accounting</i>	3	Tiếng Anh
23	6	MKTG 300	Marketing <i>Principles of Marketing</i>	3	Tiếng Anh
24	7	CBA 300	Kinh doanh quốc tế <i>International Business</i>	3	Tiếng Anh
25	8	HRM 360	Hành vi tổ chức <i>Organizational Behavior</i>	3	Tiếng Anh
26	9	MGMT 425	Chiến lược và chính sách kinh doanh <i>Business Strategy and Policy</i>	3	Tiếng Anh
27	10	IS 300	Management Information Systems <i>Hệ thống thông tin quản lý</i>	3	Tiếng Anh
28	11	MGMT 300	Nguyên lý quản trị <i>Principles of Management</i>	3	Tiếng Anh
29	12	FIN 300	Tài chính kinh doanh <i>Business Finance</i>	3	Tiếng Anh
30	13	ACCT 320	Kế toán chi phí <i>Cost Accounting</i>	3	Tiếng Anh
Kiến thức tự chọn của ngành/ <i>Elective courses in the Major</i>					
<i>Các học phần tự chọn (chọn 1 trong số các môn sau)</i> <i>Selective courses (select 1 course)</i>					
31	1	PHIL 160	Đạo đức học căn bản <i>Introductory Ethics</i>	3	Tiếng Anh
32		PHIL 400	Đạo đức trong kinh doanh <i>Business Ethics</i>	3	Tiếng Anh

		Các học phần tự chọn (chọn 1 trong số các môn sau) Selective courses (1 courses)			
33	2	ECON 372	Kinh tế quốc tế <i>International Economics</i>	3	Tiếng Anh
34		ECON 366	Kinh tế phát triển <i>Introduction to Development Economics</i>	3	Tiếng Anh
Kiến thức bắt buộc của chuyên ngành/ Compulsory courses of Specialization					
35	1	ACCT 212	Kế toán 2 <i>Introductory Accounting 2</i>	3	Tiếng Anh
36	2	ACCT 372	Kế toán tài chính <i>Intermediate Accounting</i>	3	Tiếng Anh
37	3	ACCT 400	Kế toán nâng cao <i>Advanced Accounting</i>	4	Tiếng Anh
38	4	ACCT 470	Kiểm toán <i>Auditing</i>	4	Tiếng Anh
39	5	ACCT 480	Hệ thống thông tin kế toán <i>Accounting Systems and Data Processing</i>	4	Tiếng Anh
40	6	ACCT 465	Kế toán quốc tế <i>International Accounting</i>	3	Tiếng Anh
41	7	NEU 400A	Hệ thống Kế toán doanh nghiệp Việt Nam 1 <i>Vietnamese Accounting Systems in Enterprises 1</i>	3	Tiếng Việt
42	8	NEU 400B	Hệ thống Kế toán doanh nghiệp Việt Nam 2 <i>Vietnamese Accounting Systems in Enterprises 2</i>	3	Tiếng Việt
43	9	NEU 460	Hệ thống Kế toán công Việt Nam <i>Vietnamese Public Accounting Systems</i>	3	Tiếng Việt
Kiến thức lựa chọn của chuyên ngành/ Specialization Selective Courses					
		Các học phần tự chọn (chọn 1 trong số các môn sau) Selective courses (1 courses)			

44		NEUACCT 482	Phân tích báo cáo tài chính <i>Financial Statement Analysis</i>	3	Tiếng Anh
45		NEUACCT 483	Kiểm soát quản lý <i>Management Control</i>	3	Tiếng Anh
46		NEUACCT 484	Kiểm toán nội bộ <i>Internal Auditing</i>	3	Tiếng Anh
Kiến thức bổ trợ, thực tập nghề nghiệp và nghiên cứu cuối khoá/ <i>Final Thesis</i>					
47	1		Hội thảo về kỹ năng nghề nghiệp <i>Guest speakers and seminars</i>	X	Tiếng Anh
48	2		Chuyên đề thực tập <i>Final Thesis</i>	12	Tiếng Anh
Tổng số TC				12	
TỔNG SỐ TC CẢ KHOÁ HỌC				124	

Ghi chú :

(*) Phần bồi dưỡng Tiếng Anh sẽ được thiết kế tùy theo trình độ Tiếng Anh của sinh viên

Note :

(*) English courses will be designed based on students' English level

8. Kế hoạch giảng dạy/ *Standard Course Sequence*

TT.	Mã số Code	Tên môn học Courses	TC. CR.
Kỳ học 1 Semester 1			
<i>Các học phần bắt buộc Compulsory courses</i>			
1	TA 001	Tiếng Anh 1 <i>English 1</i>	
2	LLNL1103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 <i>Basic Principles of Marxsim-Leninism 1</i>	2

TT.	Mã số Code	Tên môn học Courses	TC. CR.
3	LLNL1104	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 <i>Basic Principles of Marxsim-Leninism 2</i>	3
4	GDTC	Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	
Tổng Tín chỉ <i>Total credits</i>			5
Kỳ học 2 Semester 2			
Các học phần bắt buộc Compulsory courses			
1	TA 001	Tiếng Anh 2 <i>English 2</i>	
2	LLTT1107	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2
3	LLDL1101	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Political Revolution Roadmap of the Communist Party of Vietnam</i>	3
4	GDTC	Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	
5	GDQP	Giáo dục quốc phòng <i>Military Education</i>	
Tổng Tín chỉ <i>Total credits</i>			5

TT.	Mã số Code	Tên môn học Courses	TC. CR.
Kỳ học 3 Semester 3			
<i>Các học phần bắt buộc Compulsory courses</i>			
1	ENGL 100	Viết luận <i>Writing Skills</i>	3
2	ECON 100	Kinh tế vĩ mô <i>Principles of Macroeconomics</i>	3
3	ECON 101	Kinh tế vi mô <i>Principles of Microeconomics</i>	3
4	GDTC	Giáo dục thể chất <i>Physical Trainings</i>	
5	Math 115	Đại số và giải tích: Ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh <i>Calculus for Business</i>	3
6	PSYC 130	Tư duy phê phán <i>Critical Thinking</i>	3
<i>Các học phần tự chọn (chọn 1 trong số các môn sau) Selective courses (1 courses)</i>			
7	SSCI 165	Lịch sử văn minh thế giới <i>Regional and People of the World</i>	3
8	CWL 100	Văn học thế giới <i>Introduction to World Literature</i>	3
Tổng Tín chỉ <i>Total credits</i>			18

TT.	Mã số Code	Tên môn học Courses	TC. CR.
Kỳ học 4 Semester 4			
Các học phần bắt buộc Compulsory courses			
1	IS 233	Giới thiệu về hệ thống máy tính và các ứng dụng <i>Office Productivity Software</i>	3
2	ACCT 201	Kế toán tài chính căn bản/ Kế toán 1 <i>Elementary Financial Accounting/ Introductory Accounting 1</i>	3
3	BLAW 320	Môi trường pháp lý và các quy định trong kinh doanh <i>Legal and Regulatory Environment of Business</i>	3
4	STAT 118	Giới thiệu thống kê kinh doanh <i>Introduction to Business Statistics</i>	3
5	GDTC	Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	
Các học phần tự chọn (chọn 1 trong số các môn sau) Selective courses (select 1 course)			
6	GEOG 140	Địa lý kinh tế <i>Introduction to Physical Geography</i>	3
7	GEOG 101	Môi trường toàn cầu <i>The Global Environment</i>	3
Các học phần tự chọn (chọn 1 trong số các môn sau) Selective courses (select 1 course)			
8	ECON 372	Kinh tế quốc tế <i>International Economics</i>	3

TT.	Mã số Code	Tên môn học Courses	TC. CR.
9	ECON 366	Kinh tế phát triển <i>Introduction to Development Economics</i>	3
Tổng Tín chỉ <i>Total credits</i>			18
Kỳ học 5 Semester 5			
<i>Các học phần bắt buộc</i> <i>Compulsory courses</i>			
1	FIN 300	Tài chính kinh doanh <i>Business Finance</i>	3
2	MKTG 300	Marketing <i>Principles of Marketing</i>	3
3	HRM 360	Hành vi tổ chức <i>Organizational Behavior</i>	3
4	ACCT 202	Kế toán quản trị <i>Managerial Accounting</i>	3
5	ACCT 212	Kế toán 2 <i>Introductory Accounting 2</i>	3
<i>Các học phần tự chọn (chọn 1 trong số các môn sau)</i> <i>Selective courses (select 1 course)</i>			
6	PHIL 160	Đạo đức học căn bản <i>Introductory Ethics</i>	3
7	PHIL 400	Đạo đức trong kinh doanh <i>Business Ethics</i>	3

TT.	Mã số Code	Tên môn học Courses	TC. CR.
		<i>Tổng Tín chỉ Total credits</i>	18
Kỳ học 6 Semester 6			
<i>Các học phần bắt buộc Compulsory courses</i>			
1	ACCT 372	Kế toán tài chính <i>Intermediate Accounting</i>	3
2	CBA 300	Kinh doanh quốc tế <i>International Business</i>	3
3	IS 300	Management Information Systems <i>Hệ thống thông tin quản lý</i>	3
4	IS 301	Giao tiếp kinh doanh <i>Business Communications</i>	3
5	MGMT 300	Nguyên lý quản trị <i>Principles of Management</i>	3
Tổng Tín chỉ Total credits			15
Kỳ học 7 Semester 7			
<i>Các học phần bắt buộc Compulsory courses</i>			
1	ACCT 320	Kế toán chi phí <i>Cost Accounting</i>	3

TT.	Mã số Code	Tên môn học Courses	TC. CR.
2	NEU 400A	Hệ thống kế toán doanh nghiệp Việt Nam 1 Vietnamese Accounting Systems in Enterprises 1	3
3	ACCT 400	Kế toán nâng cao Advanced Accounting	4
4	ACCT 465	Kế toán quốc tế International Accounting	3
Tổng Tín chỉ <i>Total credits</i>			13
Kỳ học 8 Semester 8			
<i>Các học phần bắt buộc</i> <i>Compulsory courses</i>			
1	ACCT470	Kiểm toán Auditing	4
2	ACCT 480	Hệ thống thông tin kế toán Accounting Systems and Data Processing	4
3	MGMT 425	Chiến lược và chính sách kinh doanh Business Strategy and Policy	3
4	NEU 460	Hệ thống kế toán công Việt Nam Vietnamese Public Accounting Systems	3
5	NEU 400B	Hệ thống kế toán doanh nghiệp Việt Nam 2 Vietnamese Accounting Systems in Enterprises 2	3
<i>Các học phần tự chọn (chọn 1 trong số các môn sau)</i> <i>Selective courses (select 1 course)</i>			

TT.	Mã số Code	Tên môn học Courses	TC. CR.
6	NEUACCT 482	Phân tích báo cáo tài chính <i>Financial Statement Analysis</i>	3
7	NEUACCT 483	Kiểm soát quản lý <i>Management Control</i>	3
8	NEUACCT 484	Kiểm toán nội bộ <i>Internal Auditing</i>	3
Tổng Tín chỉ <i>Total credits</i>			20
Kỳ học 9			
1		Hội thảo về kỹ năng nghề nghiệp Guest speakers and seminars	X
2		Chuyên đề thực tập Final Thesis	12
Tổng Tín chỉ <i>Total credits</i>			12
Tổng số TC tối thiểu toàn khoá (<i>không kể học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và Bồi dưỡng tiếng Anh</i>) Total credits (excluding physical and defence training and English)			124

9. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần/ Course Description

9.1. Tiếng Anh (*English*)

Mã số - *Code* : TA 001

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: None

Đây là nội dung ngoại ngữ chuyên ngành về kinh tế và kinh doanh nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức ngoại ngữ nâng cao về kinh tế và kinh doanh. Chương trình giảng dạy sẽ được thiết kế phù hợp với học sinh.

This is the fundamental module of English for business and economics aiming at providing students with necessary skills in economics and business.

9.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê Nin Phần 1 (*Basic Principle of Marxism and Leninism part 1*)

Mã số - *Code*: LLNL1103

Số tín chỉ - *Credit*: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: None

Học phần trang bị những nội dung cơ bản của thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin trong việc nghiên cứu và học tập các môn học khác trong chương trình đào tạo cũng như các tri thức khác của nhân loại; cho việc vận dụng các tri thức của sinh viên vào đời sống thực tiễn

Làm tiền đề trực tiếp để nghiên cứu các bộ phận cấu thành khác của chủ nghĩa Mác - Lênin, tiếp cận môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, định hướng tư tưởng - chính trị trong chuyên ngành được đào tạo.

The course equips students with the basic contents of worldview and philosophical methodology of Marxism – Leninism which provide the theoretical basis and the most common methodology for researching, learning other subjects in the curriculum; perceiving other knowledge of mankind and applying it to real life.

Researching other component parts of Marxism – Leninism, approaching content of Ho Chi Minh Ideology course and Revolutionary Policy of the Communist Party of Vietnam course are also premised on the basic contents.

In addition, the course aims to build trustworthy and revolutionary ideal for students, giving them ideological and political orientation in their majors.

9.3. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê Nin Phần 2 (Basic Principle of Marxism and Leninism part 2)

Mã số - Code: LLNL1102

Số tín chỉ - Credit: 3

Điều kiện tiên quyết: LLNL1103

Prerequisites: LLNL1103

Học phần này gồm : Phần 2 và phần 3 trong môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa MLN

Phần 2: Học thuyết kinh tế của CN CN Mác – Lenin về PTSX TBCN

Phần 3: Lý luận của CN Mác – Lenin về CNXH

Trong phạm vi lý luận kinh tế chính trị của chủ nghĩa Mác- Lênin, đó là học thuyết giá trị (giá trị lao động); học thuyết giá trị thặng dư; học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

Như vậy, trong phần KTCT, nghiên cứu tính quy luật phát sinh và phát triển của CNTB, vạch rõ tính hạn chế về mặt lịch sử của nó; luận chứng về mặt kinh tế sự hình thành các tiền đề khách quan và chủ quan của cách mạng XHCN do sự phát triển những mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa tư bản .

Kế thừa và phát triển chủ nghĩa Mác, V.I. Lê Nin đó chỉ ra biểu hiện của quan hệ sản xuất TBCN trong điều kiện CNTBĐQ và CNTBĐQNN, qua đó đã bảo vệ nội dung cách mạng của chủ nghĩa Mác, làm phong phú thêm khoa Kinh tế chính trị học và các bộ phận cấu thành khác của chủ nghĩa Mác.

Trong phạm vi của chủ nghĩa xã hội khoa học, đó là những nguyên lý khoa học của chủ nghĩa Mác- Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa; những vấn đề có tính quy luật của quá trình hình thành, phát triển hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa và những định hướng cho hoạt động của giai cấp công nhân trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình.

This module includes: Part 2 and Part 3 of the course. The basic principles of Marxism - Leninism.

Part 2: Economic theory of Marxism - Leninism on the capitalist mode of production

Part 3: Theory of Marxism - Leninism on socialism

Within the scope of economics and political theories of Marxism-Leninism, these are the theories of value (value of labor); theories of surplus value; theories of monopoly capitalism and State monopoly capitalism.

Thus, political economics section will study the regularities in the arising and development of capitalism, clearly outline its restrictions in terms of history; demonstrates with regards to economy the formation of objective and subjective premises of the socialist revolution owing to the development of inherent contradictions of capitalism.

Inheriting and developing from Marxism, V. I. Lenin pointed out the manifestation of capitalist relations of production in the conditions of monopoly capitalism and state monopoly capitalism, through which protected the revolution contents of Marxism, enriched the Faculty of Political economics as well as other components of Marxism.

In the scope of scientific socialism, the course studies the scientific principles of Marxism-Leninism in the historic mission of the working class and the socialist revolutionary process; issues with regularity related to the formation and development process of communist socio-economic formant the orientations for the operation of the working class in the implementation process of its historic mission.

9.4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Political Revolution Roadmap of Communist Party of Vietnam)

Mã số - Code:	LLDL1101
Số tín chỉ - Credit:	3
Điều kiện tiên quyết:	LLNL1103, LLNL1102
Prerequisites:	LLNL1103, LLNL1102

Học phần **Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam** là 1 trong 3 môn học thuộc khoa học Mác-Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh được giảng dạy trong hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam. Môn học có quan hệ mật thiết với các môn: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê nin và môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh. Nội dung và kết cấu chương trình môn học do Ban Khoa giáo Trung ương, Bộ Giáo dục Đào tạo quy định. Đây là học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy kiến thức. Đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam được xây dựng trên cơ sở vận dụng sáng tạo những nguyên lý của CN Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn đất nước Việt Nam trong mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể. Vì vậy đường lối của Đảng

vừa có tính khoa học vừa có tính cách mạng sâu sắc. Thực tiễn chứng minh đường lối đúng đắn và sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố có ý nghĩa quyết định mọi thắng lợi của dân tộc và cách mạng Việt Nam trước đây cũng như hôm nay và mai sau.

Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đường lối, quan điểm của Đảng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội từ kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội đến quốc phòng – an ninh, đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế.

The subject “Revolutionary way of the Communist Party of Vietnam” is one of the 3 disciplines of scientific Marxist-Leninism, Ho Chi Minh ideology which is taught in the university education system in Vietnam. The course has a close relationship with the subjects: The basic principles of Marxism-Leninism and subject Ho Chi Minh ideology. Contents and curriculum structure are decided by the Central Board of Science and Education and Ministry of Education. This is a compulsory module for students to accumulate knowledge. Ways of the Vietnam Communist Party is built on the basis of applying the principles of creative Marxism - Leninism, Ho Chi Minh ideology into the practice of Vietnam country in each specific historical period. So the party line has both deeply scientific and revolutionary characteristic. The Practice approving the right policy and ingenious leadership of Communist Party of Vietnam is the factor that decides all the victory of Vietnamese nation and revolutionary in the past as well as today and tomorrow.

The course equips students with a basic understanding of the ideology, the Party's viewpoint on all aspects of social life from aspects of economy, politic, culture, society, national defense - security, foreign affairs, international economic integration.

9.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)

Mã số - Code: LLDL1101

Số tín chỉ - Credit: 2

Điều kiện tiên quyết: LLNL1103, LLNL1102

Prerequisites: LLNL1103, LLNL1102

Học phần gồm 8 chương: Chương mở đầu và 7 chương nội dung.

- Chương mở đầu: làm rõ đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Chương I: Trình bày cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Từ chương II đến chương VII: Trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

The module consists of 8 chapters: Chapter opening and 7 show the content

- Program begins: clarify the object, research methods and meaningful learning of the course Ho Chi Minh ideology

- Chapter I: Presentation basis, the process of formation and development of Ho Chi Minh ideology.

- From chapter II to chapter VII: Presentation of the basic contents of the Ho Chi Minh ideology targeted subject.

9.6. Giáo dục thể chất (Physical Education)

Mã số - Code: GDTC

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: None

Nội dung ban hành tại Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2015 Quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học.

Content is stipulated by The Circular No. 25/2015/TT-BGDĐT, dated 14th, October, 2015 issued by the Ministry of Education and Training

9.7. Giáo dục quốc phòng (Military Training)

Mã số - Code: GDQP

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites : None

Nội dung ban hành tại Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Content is stipulated by The Circular No. 03/2017/TT-BGDĐT, dated 13th., January, 2017 issued by the Ministry of Education and Training.

9.8. Viết luận (*Writing Skills*)

Mã số - *Code*: ENGL 100

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: None

Học phần này là nền tảng phục vụ cho kỹ năng viết của sinh viên, tập trung vào thực hành kỹ năng viết. Học phần cũng giúp cho sinh viên lựa chọn những cụm từ hợp lý và phát triển câu, đoạn văn và tập trung vào việc phát triển và tổ chức ý tưởng trong một bài luận tổng quát. Những kỹ năng liên quan tới chính tả và ngữ Tiếng Anh chuẩn cũng được đề cập đến trong môn này.

This course offers intensive practice in every stage of writing process from generating ideas to final proofreading. The writing course also helps students to choose appropriate words to developing sentences and paragraphs. Focus on methods to develop and organize ideas in coherent essays. Conventional mechanics, spelling, and the grammar of standard written English are taught in the course.

9.9. Kinh tế vĩ mô (*Principles of Macroeconomics*)

Mã số - *Code*: ECON 100

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: None

Học phần sẽ trang bị những kiến thức nền tảng cho sinh viên, bao gồm tiền tệ và ngân hàng, sự thay đổi giá cả, phân tích thu thập quốc dân, chu kỳ kinh doanh, tăng trưởng kinh tế, chính sách tài khóa, tiền tệ và kinh doanh quốc tế.

This course is designed to provide student knowledge of macroeconomics such as money and banking, price changes, national income analysis, business cycles, economic growth, fiscal and monetary policy, international trade.

9.10. Kinh tế vi mô (*Principles of Microeconomics*)

Mã số - *Code*: ECON 101

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: None

Học phần sẽ tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản liên quan tới tổ chức kinh doanh, lý thuyết giá cả, phân bổ nguồn lực, phân phối thu nhập, kinh tế công cộng.

This course is designed to provide business organization, price theory, allocation of resources, distribution of income, public economy.

9.11. Đại số và giải tích: Ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh (*Calculus for Business*)

Mã số - *Code*: MATH 115

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: *Không*

Prerequisites: None

Học phần tập trung vào phân tích hàm số, đạo hàm, tối ưu hóa, đồ thị, đạo hàm từng phần, số nhân Lagrange, tích phân và các ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh. Học phần tập trung vào các kỹ năng giải quyết vấn đề cụ thể.

This course focuses on functions, derivatives, optimization problems, graphs, partial derivatives. Lagrange multipliers, integration of functions of one variable. Applications to business and economics. Problem-solving techniques are also emphasized in the subject.

9.12. Tư duy phê phán (*Critical Thinking*)

Mã số - *Code*: PSYC 130

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: *Không*

Prerequisites: None

Phát triển các kỹ năng cần thiết trong tư duy tích cực bao gồm nhận dạng và hiểu các sai lầm phổ biến, kỹ năng thuyết phục và tuyên truyền, chiến lược giải quyết vấn đề và áp dụng kỹ năng tư duy tích cực trong các vấn đề phức tạp của cuộc sống hàng ngày.

This course helps students to develop crucial skills in critical thinking such as covering identifying and understanding common fallacies, recognizing techniques of persuasion and propaganda, problem solving strategies, and applying those skills to

the complicated issues in daily life.

9.13. Lịch sử văn minh thế giới (*Regional and People of the World*)

Mã số - *Code*: SSCI 165

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: None

Nghiên cứu, khảo sát các khu vực lớn trên thế giới với việc sử dụng khái niệm vật lý và văn hóa để giải thích về các vấn đề hoạt động của con người trong mối quan hệ với môi trường tự nhiên.

The course is to designed to research and survey on major regions in the world with the utilization of general physical and cultural concepts to give explanation about patterns and problems of human activities in relation to natural environment.

9.14. Văn học thế giới (*Introduction to World Literature*)

Mã số - *Code*: CWL 100

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: None

Học phần này đưa ra sự phân tích các hình thức và nội dung của văn học. Tập trung và phương pháp đọc văn hư cấu, kịch và thơ ca.

The subject seeks to analyze of the forms and content of literature and focus on methodology of reading prose fiction, drama and poetry.

9.15. Giới thiệu về hệ thống máy tính và các ứng dụng (*Office Productivity Software*)

Mã số - *Code*: IS 233

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: None

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan tới việc sử dụng các ứng dụng máy tính cá nhân, chẳng hạn như Internet, email, Windows, soạn thảo văn bản,

bảng tính và các ứng dụng cơ sở dữ liệu. Mục tiêu giúp cho sinh viên sử dụng thành thạo các ứng dụng máy tính phục vụ cho hoạt động kế toán và kinh doanh.

This course provides students basic knowledge of computers' applications, the Internet and e-mail, Windows, word processing, spreadsheet, and database applications; basic computer literacy. The purpose is to help students to use computers' applications skillfully in order to help accounting and business activities in the future.

9.16. Kế toán tài chính căn bản/ Kế toán 1 (*Elementary Financial Accounting/ Introductory Accounting 1*)

Mã số - Code : ACCT 211

Số tín chỉ - Credit : 3

Điều kiện tiên quyết : Không

Prerequisites : None

Học phần sẽ bao gồm một bài đánh giá sâu về chu kỳ kế toán, tập trung vào quá trình điều chỉnh và chuẩn bị các báo cáo tài chính. Học phần sẽ tập trung vào các khoản phải thu, hàng tồn kho, giá vốn hàng bán, tài sản, nhà máy và thiết bị, nợ, vốn chủ sở hữu và tỷ lệ tài chính và kỹ thuật để giải thích chất lượng thu nhập của các công ty nhà nước.

Course coverage will include an in-depth review of the accounting cycle, concentrating on the adjustment process and the articulation and preparation of the financial statements. The course will place emphasis on accounts receivable, inventory, cost of goods sold, property, plant and equipment, debt, equity and financial ratios and techniques to interpret the quality of earnings of publicly-held corporations..

9.17. Môi trường pháp lý và các quy định trong kinh doanh (*Legal and Regulatory Environment of Business*)

Mã số - Code: BLAW 320

Số tín chỉ - Credit: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: None

Học phần nghiên cứu các loại hình doanh nghiệp, luật lao động, luật đầu tư chứng khoán, luật bảo vệ môi trường, các vấn đề ảnh hưởng đến uy tín của doanh

nghiệp và các vấn đề kinh doanh quốc tế. Đồng thời học phần cũng xem xét những tác động ảnh hưởng của yếu tố xã hội, văn hóa, kinh tế đến các loại hình doanh nghiệp trong nước và công ty đa quốc gia. Nghiên cứu các mối quan hệ giữa chính phủ và giới kinh doanh, các vấn đề đạo đức trong kinh doanh.

An examination of the forms of business organizations, employment law, securities law, environmental law, anti-trust issues, and international transactions. A consideration of the social, cultural and economic influences on domestic and multinational corporations. Exploration of the relationship of government to business. Introduction to business ethics.

9.18. Thống kê kinh doanh (Introduction to Business Statistics)

Mã số - Code:	STAT 118
Số tín chỉ - Credit:	3
Điều kiện tiên quyết:	MATH 115
Prerequisites:	MATH 115

Ứng dụng các giải pháp thống kê kinh doanh. Những nội dung chính bao gồm: thu thập và tổ chức dữ liệu, lý thuyết xác suất, xác định mức độ tập trung và phân kỳ, dự báo và kiểm định giải thuyết, hồi quy đơn giản, phân tích tương quan. Học phần này cũng sẽ giúp sinh viên khả năng sử dụng các phần mềm thống kê.

Application of statistics to business problems. Data collection and organization, probability theory, measures of central tendency and dispersion, hypothesis testing and estimation, simple regression, and correlation. Use of statistical software.

9.19. Địa lý kinh tế (Introduction to Physical Geography)

Mã số - Code:	GEOG 140
Số tín chỉ - Credit:	3
Điều kiện tiên quyết:	Không
Prerequisites:	None

Học phần này cung cấp phương pháp tiếp cận có hệ thống đối với môi trường thông qua các mối quan hệ giữa bầu không khí, đất đai, các dạng sống và nước. Các mối quan hệ này ảnh hưởng đến kinh tế các vùng miền.

Systematic approach to the physical environment of man stressing the

relationships between the atmosphere, land, life forms and water. Four hours lecture and three hours laboratory. Materials fee required.

9.20. Môi trường toàn cầu (*The Global Environment*)

Mã số - *Code*: GEOG 101

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: None

Học phần này là một giới thiệu về môi trường tự nhiên của trái đất. Qua khóa học này, sinh viên sẽ học cách các quá trình khí quyển, thủy văn, địa chất và sinh thái khác nhau tương tác để tạo ra các mô hình và hiện tượng trong cảnh quan tự nhiên. Học phần này không có điều kiện tiên quyết, vì vậy sinh viên sẽ dành hơn một nửa thời gian học để hiểu các nguyên tắc cơ bản từ các khoa học khác có thể được hiểu từ một quan điểm không gian (địa lý). Một khi học sinh đã nắm vững các khái niệm này, khóa học sẽ chuyển sang phân tích các địa hình đặc thù và cảnh quan độc đáo ở những nơi khác nhau trên thế giới. Ngoài ra, khóa học cũng sẽ tập trung vào những cách mà các khu định cư của con người đều có ảnh hưởng và bị ảnh hưởng bởi môi trường tự nhiên.

This course is an introduction to the physical environment of the Earth. In this class, you will learn how various atmospheric, hydrological, geological and ecological processes interact to produce patterns and phenomena in the natural landscape. There is no prerequisite for this class, so we will spend more than half the class learning how basic principles from other sciences can be understood from a spatial (geographical) point of view. Once students have mastered these concepts, the course will turn toward analysis of specific landforms and unique landscapes in different parts of the world. Throughout the class, we will also focus on ways that human settlements both influence and are influenced by their natural environment.

9.21. Kinh tế quốc tế (*International Economics*)

Mã số - *Code*: ECON 372

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: None

Học phần này nghiên cứu tầm quan trọng của kinh tế quốc tế; Nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển và những đặc điểm mới của nền kinh tế thế giới, nội dung và tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế; nghiên cứu dòng vận động của các luồng hàng hóa và dịch vụ giữa một quốc gia với các quốc gia và vùng lãnh thổ khác

trong nền kinh tế thế giới; nghiên cứu những chính sách thương mại quốc tế nhằm điều tiết các dòng vận động này và tác động của các chính sách đó đến phúc lợi của quốc gia.

This course investigates the importance of international economics; learns about the process of development and major characteristics of the world economy as well as the content and feature of international economics relations; analyzes the factor movements of goods and services among nations and other regions in the world economy; investigates international trade policies in order to adjust the policy's impacts and other factor movements of the policy on welfare.

9.22. Kinh tế phát triển (Introduction to Development Economics)

Mã số - *Code*: ECON366

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: None

Kinh tế phát triển là môn học thuộc hệ thống các môn kinh tế học, nghiên cứu nguyên lý phát triển kinh tế trong các điều kiện kém phát triển. KTPT dựa trên cơ sở các lý thuyết về phát triển được hệ thống hóa dưới dạng các mô hình lý luận, thực tiễn và những bài học kinh nghiệm trong quá trình phát triển kinh tế của các nước phát triển và đang phát triển để tìm ra những vấn đề mang tính quy luật, những xu hướng cơ bản của quá trình chuyển một nền kinh tế từ trạng thái phát triển thấp sang trạng thái phát triển cao hơn. Để có thể vận dụng được những nguyên lý cơ bản trong thực tiễn phát triển của các nước, học phần còn đưa ra các luận cứ, phương pháp và nội dung hoạch định các chính sách phát triển nhằm giải quyết được những vấn đề cụ thể về kinh tế và xã hội mà các nước đang phát triển quan tâm, phù hợp với đặc điểm cụ thể của từng quốc gia trong từng giai đoạn phát triển nhất định. Môn học đặt mục tiêu nghiên cứu chính cho các nước đang phát triển, nhưng có sự phân tích, xử lý tình huống, vận dụng và đề xuất cụ thể đối với quá trình phát triển kinh tế của Việt Nam.

Development Economics is the subject in a system of economics, which studies about the principles of economic development in underdeveloped conditions.

Development Economics is based on developmental theories in order to find out the principles as well as the basic trends of transition from a low development status to a higher one. The course aims to study the developing countries in general, however the analysis, problem solving, specific applications are applied for the economic development of Vietnam in particular.

9.23. Tài chính kinh doanh (*Business Finance*)

Mã số - <i>Code</i> :	FIN 300
Số tín chỉ - <i>Credit</i> :	3
Điều kiện tiên quyết:	ECON 100, 101, MATH 115, ACCT 201.
<i>Prerequisite</i> :	<i>ECON 100, 101, MATH 115, ACCT 201.</i>

Đây là học phần giới thiệu về tất cả các yếu tố chính trong kinh doanh, việc áp dụng công nghệ thông tin và hệ thống quản lý thông tin trong các hoạt động tài chính như: (1) Đánh giá giá trị thời gian của Tiền vốn, Rủi ro, Chi phí vốn, Cơ cấu Vốn, (2) các phương thức huy động vốn (3) Các quyết định tài chính dài hạn (4) Các chính sách quản lý Vốn lưu động (5) các vấn đề liên quan khác như Sáp nhập, Phá sản, Tài chính Quốc tế.

An introductory course for all business majors, integrating computer applications and management information systems in the following areas of finance: (1) Time Value of Money, Risk, Valuation, Cost of Capital, Capital Structure; (2) Capital Budgeting; (3) Long -Term Financing Decisions; (4) Working Capital Policy and Management; (5) Financial Analysis and Planning; (6) Special topics including; Mergers, Bankruptcy.

9.24. Marketing (*Principles of Marketing*)

Mã số - <i>Code</i> :	MKTG 300
Số tín chỉ - <i>Credit</i> :	3
Điều kiện tiên quyết:	Không
<i>Prerequisite</i> :	<i>None</i>

Học phần sẽ tập trung nghiên cứu mối quan hệ giữa hệ thống marketing với các hoạt động khác trong doanh nghiệp; giữa các doanh nghiệp với môi trường marketing thế giới và nội địa; các tác động kinh tế và xã hội của hoạt động marketing; tác động hành vi con người lên marketing, giao tiếp, hệ thống thông tin, vấn đề quản trị và giải pháp.

Relation of marketing system to other activities in the firm. Firms and domestic and world marketing environments. Economic and social effects on marketing. Human behavior's effects on marketing, communications, information systems, management problems and their solutions.

9.25. Hành vi tổ chức (*Organizational Behavior*)

Mã số - *Code*: HRM 360

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisite: None

Khái quát về sự thay đổi của hành vi con người trong tổ chức và những hàm ý đối với quản trị. Những vấn đề nghiên cứu bao gồm: những động lực, tính cách và thái độ, sự hiểu biết của con người, nhóm và đội, những tiêu chuẩn, sức mạnh và chính trị, xung đột, giao tiếp, thiết kế công việc, văn hoá tổ chức, sự thay đổi tổ chức, lãnh đạo và những vấn đề về văn hoá.

Overview of the dynamics of human behavior in organization and implications for management. Motivation, personality and attitudes, human perceptions, groups and teams, norms, power and politics, conflict, learning, communication, job design, organizational culture, organizational change, leadership and cross-cultural issues.

9.26. Kế toán quản trị (*Managerial Accounting*)

Mã số - *Code*: ACCT 202

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: ACCT 201

Prerequisites: ACCT 201

The course covers major areas of management accounting including introduction to managerial accounting, cost classifications, costing systems, Cost-Volume-Profit analysis, master budget, flexible budget. Experts and managers with critical knowledge in management accounting are able to make optimal decisions.

Học phần Kế toán quản trị giới thiệu những nội dung cơ bản về kế toán quản trị như khái niệm, bản chất về kế toán quản trị, phân loại chi phí, các phương pháp xác định chi phí và giá thành sản phẩm, phân tích mối quan hệ giữa chi phí – sản lượng và lợi nhuận, dự toán ngân sách doanh nghiệp. Những kiến thức quan trọng về kế toán quản trị giúp cho các chuyên gia kinh tế, nhà quản trị hiểu bản chất sự vận động của chi phí từ đó kiểm soát và giảm chi phí thấp nhất.

9.27. Kế toán 2 (Introductory Accounting 2)

Mã số - Code : ACCT 212

Số tín chỉ - Credit : 3

Điều kiện tiên quyết : Không

Prerequisites : None

Học phần sẽ bao gồm việc đánh giá sâu về các chuẩn mực kế toán tài chính, khung khái niệm về báo cáo tài chính, hệ thống thông tin kế toán và một số vấn đề liên quan đến báo cáo tài chính như báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, bảng cân đối kế toán và báo cáo lưu chuyển tiền mặt. Học phần sẽ tập trung vào kế toán, thời gian của tiền, tiền và phải thu, định giá hàng tồn kho, mua và bán tài sản, trang thiết bị, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

Course coverage will include an in-depth review of the financial accounting and accounting standards, conceptual framework for financial reporting, the accounting information system, and some issues related to the financial statements such as income statement, balance sheet and statement of cash flow. The course will place emphasis on accounting and the time of money, cash and receivables, valuation of inventories, acquisition and disposition of property, plant and equipment, liabilities and stockholder's equity.

9.28. Đạo đức học căn bản (Introductory Ethics)

Mã số - Code: PHIL 160

Số tín chỉ - Credit: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisite: None

Học phần đưa ra các khái niệm về đúng và sai, tốt và xấu, và áp dụng các nguyên tắc đạo đức cho các vấn đề của cuộc sống hàng ngày. Xây dựng các kế hoạch bài tập, các hoạt động, và thảo luận để phát triển tư duy phê phán bằng miệng và bằng văn bản, kỹ năng phân tích để bổ sung cho bài giảng.

Concepts of right and wrong, good and bad, and the application of moral principles to problems of everyday life. Planned exercises, activities, and discussion to develop oral and written critical thinking and analytical skills to complement lectures.

9.29. Đạo đức kinh doanh (*Business Ethics*)

Mã số - *Code* : PHIL 400

Số tín chỉ - *Credit* : 3

Điều kiện tiên quyết : Không

Prerequisite : *None*

Học phần nghiên cứu các bối cảnh đạo đức khác nhau có thể xảy ra trong tổ chức kinh doanh và đưa ra những khái niệm, công cụ để quản trị những xung đột này nhằm tạo giá trị tốt nhất cho cá nhân, tổ chức và xã hội.

Various types of ethical dilemmas that take place in business organizations and acquire concepts and tools needed to manage these complex value conflicts for the well being of individuals, organizations, and society.

9.30. Kế toán tài chính (*Intermediate Accounting*)

Mã số - *Code*: ACCT 372

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: ACCT 212

Prerequisites: ACCT 212

Học phần này tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu về kế toán tài chính. Nội dung bao quát khung khái niệm của kế toán tài chính, áp dụng các nguyên tắc kế toán Mỹ được thừa nhận vào việc lập Báo cáo tài chính, kế toán vốn bản tiền, kế toán các khoản phải thu và kế toán hàng tồn kho. Chu trình kế toán và giá trị tiền tệ theo thời gian cũng được nghiên cứu trong học phần này.

First of a three-course sequence covering an in-depth study of financial accounting. Coverage includes the conceptual framework underlying financial accounting, the application of Generally Accepted Accounting Principles (GAAP) applicable to the preparation of financial statements, accounting for cash, receivables and inventories. The accounting cycle and time value of money will also be reviewed.

9.31. Kinh doanh quốc tế (*International Businesses*)

Mã số - *Code*: CBA 300

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: *None*

Học phần này giới thiệu bản chất, những khía cạnh khác nhau và môi trường của kinh doanh quốc tế. Nhấn mạnh vào các chức năng kinh doanh, thực hành, và các quyết định khi bị chi phối bởi các nhân tố tổ chức, xã hội, kinh tế, chính trị và văn hóa.

Introduction to nature, dimensions, and environment of international business. Emphasis on business functions, practices, and decisions as influenced by cultural, political, economic, social, and institutional factors in various parts of world. Diffusion of information technology.

9.32. Hệ thống thông tin quản lý (Management Information Systems)

Mã số - Code : IS 300

Số tín chỉ - Credit : 3

Điều kiện tiên quyết : IS 233

Prerequisites : IS 233

Khái niệm và các bộ phận cấu thành hệ thống thông tin, sự vận dụng trong các tổ chức đương đại, sự phát triển và quản lý hệ thống thông tin và các xu hướng tương lai trong hệ thống thông tin và công nghệ. Các dự án theo nhóm máy tính yêu cầu thống nhất và vận dụng dựa trên hiểu biết về khái niệm và kỹ thuật hệ thống thông tin trong môi trường kinh doanh.

Information systems concepts and components, contemporary organizational applications, development and management of information systems, and future trends in information systems and technologies. Computer - based team projects requiring the integration and application of conceptual and skills - oriented information systems knowledge in a business environment.

9.33. Giao tiếp kinh doanh (Business Communications)

Mã số - Code: IS 301

Số tín chỉ - Credit: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: None

Học phần tập trung nghiên cứu những nguyên tắc thu thập, tổ chức, phân tích và trình bày các thông tin kinh doanh. Các vấn đề cơ bản của giao tiếp và giải quyết tình huống trong quá trình quản trị kinh doanh cũng sẽ được đề cập.

Analysis of principles of collecting, organizing, analyzing, and presenting

business information. Written and oral communications involving problem solving in the business management process..

9.34. Nguyên lý quản trị (Principles of Management)

Mã số - *Code*: MGMT 300

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisite: None

Học phần giới thiệu về chức năng quản trị với các lý thuyết và khái niệm cơ bản của quản trị như lên kế hoạch, tổ chức, vai trò lãnh đạo và kiểm soát. Học phần cũng hệ thống lại những cải cách trong suy nghĩ của nhà quản trị, chức năng và thực tế quản trị đang được quan tâm trong môi trường hiện nay cũng như làm rõ các khái niệm mới phát sinh trong môi trường kinh doanh hiện đại.

Principles and theories of management, organization theory, planning and control techniques. Management of the overall organization and the production/operationssystems of organizations.

9.35. Kế toán chi phí (Cost Accounting)

Mã số - *Code*: ACCT 320

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: ACCT 202

Prerequisites: ACCT 202

Học phần trình bày các vấn đề lý luận và thực tiễn về kế toán chi phí cùng với việc sử dụng thông tin kế toán về chi phí để lập, kiểm tra và ra quyết định. Nhấn mạnh đến hệ thống thông tin quản lý chi phí. Nghiên cứu và thực hành trên máy tính là yêu cầu bắt buộc đối với học phần này.

Theory and practice of cost accounting. Managerial use of cost accounting data for planning, controlling and decision-making. Emphasis on cost accumulation and management information systems. Laboratory and/or class computer applications are a requirement of the course.

9.36. Hệ thống Kế toán doanh nghiệp Việt Nam 1, 2 (*Vietnamese Accounting Systems in Enterprises 1, 2*)

Mã số - <i>Code</i> :	NEU400A, B
Số tín chỉ - <i>Credit</i> :	6
Điều kiện tiên quyết:	ACCT 300 A, ACCT 300B
<i>Prerequisites</i> :	<i>ACCT 300A, ACCT 300B</i>

Học phần này giới thiệu về Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam nói chung và việc áp dụng chúng tại các doanh nghiệp Việt Nam nói riêng. Trên cơ sở đó, học phần sẽ làm rõ sự khác biệt giữa Kế toán Việt Nam và Kế toán Mỹ đã được giảng dạy trong các môn học Kế toán tài chính I (ACCT 300A) và Kế toán tài chính II (ACCT 300B).

This course introduces Vietnamese Accounting Standards (VAS) and Accounting System in Vietnam in general and their application in enterprises in Vietnam in particular. On that basis, the module will clarify the differences between Vietnam and Accounting American Accounting has been teaching in courses of Financial Accounting I (ACCT 300A) and Financial Accounting II (ACCT 300B).

9.37. Kế toán nâng cao (*Advanced Accounting*)

Mã số - <i>Code</i> :	ACCT 400
Số tín chỉ - <i>Credit</i> :	4
Điều kiện tiên quyết:	ACCT 212
<i>Prerequisites</i> :	<i>ACCT 212</i>

Học phần đề cập đến các vấn đề đặc biệt của kế toán trong doanh nghiệp, hợp nhất kinh doanh, tỷ giá hối đoái, kế toán trong các công ty quản lý quỹ và các chủ đề tự chọn. Thực hành máy vi tính là yêu cầu bắt buộc đối với học phần này.

Specialized problems in partnership and corporate accounting, consolidations, foreign currency transactions and translations, fund accounting and selected topics. Laboratory and/or class computer applications are a requirement of the course.

9.38. Kế toán quốc tế (*International Accounting*)

Mã số - *Code*: ACCT 465

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: ACCT 212, 372

Prerequisites: ACCT 212, 372

Trình bày lý luận và thực tiễn về hệ thống kế toán hiện hành và viễn cảnh quốc tế. So sánh hệ thống kế toán ở các nước và hệ thống kế toán thịnh hành ở Mỹ. Phân tích chuẩn mực kế toán và kiểm toán quốc tế. Nghiên cứu và thực hành trên máy tính là yêu cầu bắt buộc đối với học phần này.

Contemporary accounting theory and practice from an international perspective. Comparative accounting systems in various countries based on prevailing practice in the United States. Analysis of international accounting and auditing standards. Laboratory and/or class computer applications are a requirement of the course.

9.39. Kiểm toán (*Auditing*)

Mã số - *Code*: ACCT470

Số tín chỉ - *Credit*: 4

Điều kiện tiên quyết: ACCT 212, 372, ACCT 320, IS 301

Prerequisites: ACCT 212, 372, 320, IS 301

Các vấn đề về xác minh, đánh giá và trình bày thông tin tài chính trong các báo cáo được thể hiện qua ý kiến của kiểm toán viên độc lập. Nội dung chủ yếu của kiểm toán hoạt động và mối quan hệ của nó đến kiểm toán độc lập. Trách nhiệm của kiểm toán viên, kiểm toán nội bộ và quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Nghiên cứu và thực hành máy tính là yêu cầu bắt buộc đối với học phần này.

Problems of verifications, valuation, and presentation of financial information in reports covered by the opinion of an independent public accountant. Major concepts of operational auditing and its relationship to the independent audit. Responsibilities of the public accountant, internal auditor, and rules of professional conduct. Laboratory and/or classroom computer applications are a requirement of the course.

9.40. Hệ thống thông tin kế toán (*Accounting Systems and Data Processing*)

Mã số - *Code*: ACCT 480

Số tín chỉ - *Credit*: 4

Điều kiện tiên quyết: IS 300, IS 301, ACCT 372, ACCT 320.

Prerequisites: IS 300, IS 301, ACCT 372, ACCT 320.

Học phần đề cập đến quá trình phát triển của hệ thống thông tin kế toán. Chủ đề chính của học phần hướng về việc phân tích, thiết kế, phát triển và ứng dụng hệ thống thông tin kế toán. Nghiên cứu và thực hành máy tính là yêu cầu bắt buộc.

Course is designed to familiarize students with the accounting information systems development process. Major topics include analysis, design, development, and implementation of accounting information systems. Laboratory and/or classroom computer applications are a requirement of the course.

9.41. Chiến lược và chính sách kinh doanh (*Business Strategy and Policy*)

Mã số - *Code*: MGMT425

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: ACCT 320, FIN 300, MGMT 300, MKTG 300, IS 301

Prerequisite: ACCT 320, FIN 300, MGMT 300, MKTG 300, IS 301

Học phần tập trung vào việc vận dụng các lý thuyết và kỹ năng từ các học phần kinh doanh khác. Học phần sử dụng phương pháp chủ yếu là nghiên cứu điển hình và những giả định kinh doanh để hình thành nên các chiến lược kế hoạch kinh doanh. Sinh viên phải viết báo cáo về chiến lược kinh doanh.

Integration and application of knowledge theories and techniques derived from the study of business disciplines. Use of the case method and business simulations to formulate business strategies and plans. Written reports required

9.42. Hệ thống kế toán công Việt Nam (*Vietnamese Public Accounting Systems*)

Mã số - *Code*: NEU 460

Số tín chỉ - Credit: 3

Điều kiện tiên quyết: ACCT 212, 372

Prerequisites: ACCT 212, 372

Học phần đề cập nội dung kế toán Nhà nước trong các khu vực quản lý

NSNN, quản lý kho bạc Nhà nước, chuyên thu, chi NSNN và đơn vị HCSN, trong đó đi sâu lĩnh vực kế toán phân hành cơ bản của các đơn vị dự toán (đơn vị HCSN).

This course introduces the accounting systems for non-profit organization, accounting budget management, treasury management of the State and focus on accounting for main tasks of accounting cycle in public sector.

9.43. Phân tích báo cáo tài chính (Financial Statement Analysis)

Mã số - Code: NEUACCT 482

Số tín chỉ - Credit: 3

Điều kiện tiên quyết: ACCT 372

Prerequisites: ACCT 372

Học phần Phân tích báo cáo tài chính giới thiệu những nội dung cơ bản về Phân tích Báo cáo tài chính doanh nghiệp, đây là bức tranh tổng thể về toàn bộ tình hình tài chính của bất cứ doanh nghiệp nào. Học phần giới thiệu các nội dung như phân tích cấu trúc tài chính, phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán, phân tích khả năng sinh lợi... Những thông tin quan trọng là cơ sở phục vụ cho các cơ quan như kiểm toán, ngân hàng, nhà đầu tư, cơ quan thuế... đưa ra quyết định tối ưu.

The course introduces basic contents about financial statement analysis of an enterprise. This is a general picture about the whole financial situation of any firm. This course recommends some contents, such as: financial structure analysis, solvency analysis, profitability analysis...The important information is a base to serve agencies, for example: auditing, banking, investor, tax agency...to make their optimal decisions.

9.44. Kiểm soát quản lý (Management Control)

Mã số - Code: NEUACCT 483

Số tín chỉ - Credit: 3

Điều kiện tiên quyết: ACCT 202

Prerequisites: ACCT 202

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản và kỹ năng về kiểm soát quản lý cần thiết cho các nhà quản lý tương lai. Những kiến thức và kỹ năng này đóng một vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các nhà quản lý giám sát và điều chỉnh hoạt động kinh doanh. Trong môi trường ngày càng cạnh tranh hiện nay, rủi ro ngày càng trở nên phức tạp, xảy ra thường xuyên hơn và phổ biến hơn, đòi hỏi các nhà

quản lý có thể xác định và đáp ứng một cách nhanh chóng và hợp lý. Bên cạnh đó, theo quan điểm của kiểm toán viên, hiểu về kiểm soát quản lý giúp kiểm toán viên xác định các khía cạnh nguy hiểm để tập trung kiểm toán, do đó đưa ra ý kiến đáng tin cậy cho kiểm toán. Điều này quan trọng hơn với các công ty được liệt kê. Cách tiếp cận kiểm toán dựa trên rủi ro hiện tại đòi hỏi kiểm toán viên phải xác định được rủi ro và tiến hành kiểm toán sau khi xác định được rủi ro. Sự hiểu biết về kiểm soát quản lý cũng giúp các kiểm toán viên đưa ra các đề xuất có giá trị cho các nhà quản lý để cải thiện việc kiểm soát quản lý của họ trong thực tế.

The course is to equip students with basic knowledge and skills about management control that are essential to future managers. These knowledge and skills play a vital role in assisting managers to supervise and adjust their business operations. In the increasingly competitive environment nowadays, risk becomes more and more complicated, occurs more frequently and pervasively that requires managers to be able to identify and respond quickly and appropriately. Besides, from viewpoints of auditors, understand about management controls help auditors identify risky aspects to focus their audit on, thereby giving reliable opinion for the audits. This is more crucial with listed auditees. The current risk-based approach of audit requires auditors to be able to identify risk and conduct the audit following risks identified. Understanding of management control also helps auditors provide valuable recommendations to managers to improve their management control in practice

9.45. Kiểm toán nội bộ (Internal Auditing)

Mã số - Code:	NEUACCT 484
Số tín chỉ - Credit:	3
Điều kiện tiên quyết:	ACCT 212, ACCT 470
Prerequisites:	ACCT 212, ACCT 470

Học phần này giúp sinh viên có thể hiểu được bản chất của kiểm toán nội bộ, thay đổi chức năng của tổ chức nói chung cũng như kinh doanh liên quan đến quản trị doanh nghiệp và quản lý rủi ro doanh nghiệp; các nguyên tắc kiểm toán nội bộ và nhiều ứng dụng thực tế trong kiểm toán nội bộ; và kết quả kiểm toán nội bộ và các giải pháp do kiểm toán viên đề xuất. Khóa học này cũng bao gồm các vấn đề quản lý liên quan khác liên quan đến ba nội dung kiểm toán khác nhau như kiểm toán hoạt động, kiểm toán tài chính và kiểm toán tuân thủ.

This course helps students to able to have an understanding of the nature of internal audit, changes in the function within an organization in general as well as a business concerning corporate governance and enterprise risk management; principles of internal audit and many practical applications in internal audit; and

internal audit findings and solutions suggested by auditor. This course also covers other relevant managerial issues pertaining to three different audit contents such as operational audit, financial audit and compliance audit.

9.46. Chuyên đề thực tập (Final Thesis)

Số tín chỉ - *Credit*: 12

Điều kiện tiên quyết: sinh viên đã có đủ kiến thức nền và chuyên sâu về kế toán, kiểm toán, có khả năng nghiên cứu độc lập.

Prerequisites: Capable of independent study.

Sinh viên sẽ tự mình tiến hành nghiên cứu các vấn đề về kế toán, kiểm toán trong các đơn vị công hoặc trong các doanh nghiệp với quy mô khác nhau. Trong quá trình nghiên cứu, sinh viên sẽ được sự trợ giúp của giáo sư hướng dẫn.

Students do their research in the area of accounting, auditing in enterprises. During the research, students will get advisor's help.

Ngày..... tháng.... năm.....

VIỆN KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

HIỆU TRƯỞNG